

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương.

Bà Lê Thị Minh Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B:** Ông Đặng Văn Thìn-Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXX-ST ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Minh H, sinh năm: 1993. (vắng mặt)

Nơi thường trú: Làng Phúc Mãn, xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B.

Nơi ở: Số 59, đường 38, Khu Công Nghiệp, Quận Xitun, thành phố Đài Trung, Đ L.

+ Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị Đỗ Thị Minh H là anh Phạm Tiến H.

Địa chỉ: Số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đ L (Trung Quốc)).

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1991. (vắng mặt).

Nơi thường trú: Làng Phúc Mãn, xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B.

Nơi ở: Số 388, Đường Nam Thượng, Dakengli, Quận Guishan, thành phố Đ V, Đ L.

+Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh Nguyễn Văn H là bà Phan Thị Thu Na;

Địa chỉ: Số 7, ngõ 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đ L).

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Minh H, Sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 8, ngõ 16 đường Cao Kỳ Vân, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Làng Phúc Mãn, xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Minh H trình bày (Có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đ L (Trung Quốc)):*

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B cấp chứng nhận kết hôn số 79/2012, quyền số 01/2012 ngày 19/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6/2018 thì chị sang Đ L và đến tháng 4/2019 anh H cũng sang Đ L. Cả hai cùng sang Đ L sinh sống và làm việc, hai vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xuất hiện những sự bất đồng về quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái. Ngày qua ngày, các mâu thuẫn càng trở lên trầm trọng dẫn đến hai vợ chồng không còn tiếng nói chung. Vợ chồng dần có sự xa cách không ai còn quan tâm tới ai và sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần xong tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Chính, sinh ngày 06/6/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Nhi, sinh ngày 14/4/2017. Cháu

Nguyễn Đức Chính hiện đang ở với chị và ông bà ngoại, cháu Nguyễn Ngọc Nhi hiện đang ở với anh H và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Đức Chính và giao cháu Nguyễn Ngọc Nhi cho anh H nuôi dưỡng. Trong thời gian chị và anh H ở nước ngoài thì chị đồng ý để cho ông bà nội, ông bà ngoại trực tiếp trong nom chăm sóc cháu Nguyễn Đức Chính và cháu Nguyễn Ngọc Nhi.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang sinh sống ở Đ L nên chị không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh H được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn H.

Chị cũng ủy quyền cho anh Phạm Tiến H; có địa chỉ ở số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí, nhận bản án, trích lục và các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

*Anh Nguyễn Văn H là bị đơn có bản tự khai trình bày (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đ L) :*

Anh và chị Đỗ Thị Minh H kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B cấp chứng nhận kết hôn số 79/2012, quyền số 01/2012 ngày 19/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6/2018 thì chị H sang Đ L làm việc và đến tháng 4/2019 anh cũng sang Đ L. Cả hai cùng sang Đ L sinh sống và làm việc, hai vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xuất hiện những sự bất đồng về quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái. Ngày qua ngày, các mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng dẫn đến hai vợ chồng không còn tiếng nói chung. Vợ chồng dần có sự xa cách không ai còn quan tâm tới ai và sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần xong tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H có đơn đề nghị Tòa án xử cho chị H được ly hôn với anh, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Chính, sinh ngày 06/6/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Nhi, sinh ngày 14/4/2017. Cháu

Nguyễn Đức Chính hiện đang ở với chị H và ông bà ngoại, cháu Nguyễn Ngọc Nhi hiện đang ở với anh và ông bà nội. Ly hôn anh đồng ý với quan điểm của chị H là giao cháu Nguyễn Ngọc Nhi cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Đức Chính cho chị H nuôi dưỡng. Trong thời gian anh và chị H ở nước ngoài thì anh đồng ý để cho ông bà nội, ông bà ngoại trực tiếp trong nom chăm sóc cháu Nguyễn Đức Chính và cháu Nguyễn Ngọc Nhi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang sinh sống ở Đ L nên anh không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Đỗ Thị Minh H.

Anh cũng ủy quyền cho chị Phan Thị Thu Na; có địa chỉ ở số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội nhận bản án, trích lục và các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

*Tại đơn trình bày bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:* Bà là bà ngoại của cháu Nguyễn Đức Chính và cháu Nguyễn Ngọc Nhi, kể từ khi anh H và chị H đi lao động tại nước ngoài đến nay thì cháu Nguyễn Đức Chính vẫn ở với bà, cháu được đi học và phát triển bình thường, con gái bà là chị Đỗ Thị Minh H vẫn thường xuyên L lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Đức Chính trong thời gian chị H, anh H ở nước ngoài.

*Tại đơn trình bày bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà là bà nội của cháu Nguyễn Đức Chính và cháu Nguyễn Ngọc Nhi, kể từ khi anh H và chị H đi lao động tại nước ngoài đến nay thì cháu Nguyễn Ngọc Nhi vẫn ở với bà, cháu được đi học và phát triển bình thường, con trai bà là anh Nguyễn Văn H vẫn thường xuyên L lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Nhi trong thời gian chị H, anh H ở nước ngoài.

*Tại đơn trình bày cháu Nguyễn Đức Chính trình bày:* Cháu là con của bố Nguyễn Văn H và mẹ Đỗ Thị Minh H, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ là Đỗ Thị Minh H và ông bà ngoại. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ cháu là Đỗ Thị Minh H.

Tại phiên tòa chị Đỗ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Đỗ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H, đơn trình bày của bà Nguyễn Thị Minh H, bà Nguyễn Thị L và biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Đức Chính và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Đỗ Thị Minh H, bị đơn là anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83; Điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Minh H. Xử :

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Đỗ Thị Minh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Đỗ Thị Minh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đức Chính, sinh ngày 06/6/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị Minh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Đức Chính trong thời gian chị Đỗ Thị Minh H ở nước ngoài.

Giao cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhi, sinh ngày 14/4/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Nhi trong thời gian anh Nguyễn Văn H ở nước ngoài.

Chị Đỗ Thị Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đỗ Thị Minh H là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H, chị H và anh H có hộ khẩu thường trú tại Thôn Phúc Mãn, xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B nhưng hiện nay cả chị H và anh H đều đang lao động tại nước ngoài. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày ngày 19/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của chị H và anh H, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Đến nay chị H và anh H đã sống ly thân với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn sống chung với nhau nữa. Chị H và anh H đều thống nhất ly hôn. Như vậy vợ chồng chị H và anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị Minh H đối với anh Nguyễn Văn H, xử cho chị H được ly hôn với anh H là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Chị Đỗ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Chính, sinh ngày 06/6/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Nhi, sinh ngày 14/4/2017. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Chính, sinh ngày 06/6/2013 và giao cháu Nguyễn Ngọc Nhi, sinh ngày 14/4/2017 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của chị H, anh H Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị H và anh H đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu Nguyễn Đức Chính vẫn ở cùng với chị H và ông bà ngoại (bố mẹ chị H) và cháu Nguyễn Ngọc

Nhi vẫn ở cùng với anh H và ông bà nội (bố mẹ anh H) các cháu được ông bà nội, ngoại chăm sóc phát triển bình thường, các cháu được đi học đầy đủ, anh H, chị H vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh, chị để chăm sóc các cháu, thường xuyên L lạc về hỏi thăm và động viên các cháu.

Do vậy chị H, anh H đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Đức Chính cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Ngọc Nhi cho anh nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Minh H. Giao con chung là cháu Nguyễn Đức Chính, sinh ngày 06/6/2013 và giao cháu Nguyễn Ngọc Nhi, sinh ngày 14/4/2017 cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên, hiện nay chị H và anh H đều đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cho bà Nguyễn Thị Minh H chăm sóc cháu Nguyễn Đức Chính trong thời gian chị H ở nước ngoài. Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Nhi cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc trong thời gian anh H ở nước ngoài.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh H đều trình bày không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Minh H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Đỗ Thị Minh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Đỗ Thị Minh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đức Chính, sinh ngày 06/6/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị Minh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Đức Chính trong thời gian chị Đỗ Thị Minh H ở nước ngoài.

Giao cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhi, sinh ngày 14/4/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Nhi trong thời gian anh Nguyễn Văn H ở nước ngoài.

Chị Đỗ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H, anh H thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Chị Đỗ Thị Minh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000066 ngày 14/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Đỗ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị Minh H, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Xuân Hương, Hện L G, tỉnh B.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**Trần Thị Hà**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Hồng Phương**

**Trần Thị Hà**







